

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/TTCA/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
Địa chỉ: 114 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG PHÙ ĐÔNG, THÀNH PHỐ
PLEIKU, TỈNH GIA LAI, VIỆT NAM
Điện thoại: 0269.3823604 Fax:
E-mail:
Mã số doanh nghiệp: 5900764381

II. Thông tin về sản phẩm:

- Tên sản phẩm: ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT (ORGANIC EXTRA LIGHT CANE SUGAR)
- Thành phần: Đường mía
- Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất in trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: bao 25 kg, bao bigbag 1,000 kg
 - Chất liệu bao gói 25 kg: sản phẩm chứa trong bao 4 lớp: 1 lớp giấy Kraft bên ngoài, 1 lớp polyfilm, 1 lớp giấy Kraft và bên trong 1 lớp giấy Kraft có tráng PE.
 - Chất liệu bao bigbag 1000 kg: sản phẩm chứa trong bao hai lớp. Lớp bên trong là bao nhựa polyetylen (PE), lớp bên ngoài là bao nhựa Polypropene PP. Miệng trên bao có kết cấu ống nạp, đáy bao có ống xả, bao được thiết kế có 4 quai nâng.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên Công ty sản xuất: CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU.

Địa chỉ sản xuất: Bản Na Sược, huyện Phu Vông, tỉnh Attapeu, Lào.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 12178/21 FDD ngày cấp/ Nơi cấp:
20/12/2021 tại Thủ đô Viêng Chăn, nước Lào.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm mẫu nhãn chính và nhãn phụ của sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:



1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Asen	mg/kg	≤ 1
2	Hàm lượng Chì	mg/kg	≤ 0.5
3	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	≤ 0.05
4	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	≤ 1

2. **Vi sinh:** Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện- yêu cầu vệ sinh: Vi sinh vật

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số VSV hiếu khí	Cfu/10g	≤ 200
2	Tổng số bào tử nấm men	Cfu/10g	≤ 10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	Cfu/10g	≤ 10

3. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

4. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

4.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: tinh thể hoặc dạng bột, từ màu vàng sáng.
- Mùi vị: mùi thơm ngọt đặc trưng, vị ngọt.

4.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Hàm lượng saccharose	%	≥ 99.1
2.	Độ ẩm	%	≤ 0.15
3.	Độ màu	ICUMSA	300-600
4.	Hàm lượng tro dẫn điện	%	≤ 0.3
5.	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0.35

4.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện- yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO₂

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	< 10

5. Điều kiện bảo quản:

- Hướng dẫn bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời. Không chất chung hàng hóa, thực phẩm khác trong quá trình vận chuyển và phải lưu trữ tách biệt đường với các sản phẩm khác để tránh hấp phụ mùi, ẩm và các nhiễm chéo khác.

Điều kiện lưu trữ, vận chuyển tốt nhất khi:

- Nhiệt độ môi trường và nhiệt độ đường không lệch quá 10°C và nhiệt độ môi trường trong khoảng 24°C đến 32°C.

- Ẩm độ môi trường RH không quá 70%.

- Bao đường chất càng thấp càng tốt nhằm hạn chế đường bị vón do nén.

6. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Gia Lai, ngày 10 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG



VŨ THỊ LAN





Dịch bởi: bà Phut Ma Lay Vieng Kẹo

Giám Đốc Công ty Dịch thuật Công chứng Kẹo Mạ Ny

**Chứng nhận bản dịch chính xác, phù hợp nội dung
từ tiếng Lào, tiếng anh được chụp đính kèm.**

Attapeu, ngày 27/07/2023

GIÁM ĐỐC



ນ ພຸດມະລາ ວົງ ກຳມະ ພຸດມະລາ ວົງ
Miss. Phutmalay VIENGKEO





890mm

550mm

1250mm

870mm

KỬ LÝ CẨN THẬN



ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT



Sản xuất tại

CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Bản Nasuoc, Huyện Phu Vong,Tỉnh Attapeu, Lào

www.ttcgroup.vn

Chứng nhận hữu cơ bởi Control Union
CU856683

1 000 kg

KHỐI LƯỢNG TỊNH

Sản phẩm của Lào

ĐƯỜNG PHẢI ĐƯỢC LƯU TRỮ THEO CÁC ĐIỀU KIỆN KHUYẾN CÁO



FDD 67 - 2006

FDD/ DM 1080279



Dịch bởi: bà Phut Ma Lay Vieng Kẹo

Giám Đốc Công ty Dịch thuật Công chứng Kẹo Mạ Ny

**Chứng nhận bản dịch chính xác, phù hợp nội dung
từ tiếng Lào, tiếng anh được chụp đính kèm.**

Attapeu, ngày 27/07/2023

GIÁM ĐỐC



ນ ພຸດມະໄລ ວຽງແກ້ວ
Miss. Phutmalay VIENGKEO



890mm

550mm

HANDLE WITH CARE

TTC
SUGAR

ນ້ຳຕານຊາຍ ເຫຼືອງອ່ອນ ມາດຕະຖານອິນຊີ

**ORGANIC EXTRA LIGHT
CANE SUGAR**



ຜະລິດ ທີ່ | Manufactured in:

ບໍລິສັດ ນ້ຳຕານອ້ອຍ ທີ່ທິຊີ ອັດຕະປື ຈຳກັດຜູ້ດຸງ

TTC ATTAPEU SUGAR CANE SOLE CO., LTD

ບ້ານ ນາເຊືອກ, ເມືອງ ພູວົງ, ແຂວງ ອັດຕະປື, ປະເທດລາວ
Nasuoc Village, Phouvong District, Attapeu Province, Laos.

www.ttcgroup.vn

CU856683 - Certified Organic
by Control Union Certification

ບໍລິມາດສຸດທິ

1000

ກກ/kg

Net Weight

PRODUCT OF LAOS

SUGAR MUST BE STORED AS PER RECOMMENDED CONDITIONS.



ກອຍ/ຜນ 1080279
FDD/ DM 1080279



8 859552 700102

1250mm

870mm

890mm

550mm

1250mm

870mm

HỮU LÝ CẢNH THẬN



ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT



Sản xuất tại
CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU
Bản Nasuoc, Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào
www.ttcgroup.vn
Chứng nhận hữu cơ bởi Control Union
CU856683

1000kg

KHỐI LƯỢNG TỊNH

Sản phẩm của Lào

ĐƯỜNG PHẢI ĐƯỢC LƯU TRỮ THEO CÁC ĐIỀU KIỆN TUYÊN CÁO



FDD 67 - 2020

FDD/DM 1080279



Dịch bởi: bà Phut Ma Lay Viêng Kẹo

Giám Đốc Công ty Dịch thuật Công chứng Kẹo Mạ Ny

**Chứng nhận bản dịch chính xác, phù hợp nội dung
từ tiếng Lào, tiếng anh được chụp đính kèm.**

Attapeu, ngày 27/07/2023

GIÁM ĐỐC



ນ ພຸດມະໄລ ວຽງແກ້ວ
Miss. Phutmalay VIENGKEO

ສຶກສາທີ່
ບໍລິສັດ
ແປພາສາ ແກ້ວມະນີ
ຈຳກັດ
EOMAMANY
TRANSLATE SOLE
CO., LTD
ອັດ

890mm

550mm

1250mm

870mm

HANDLE WITH CARE

TTC
AgriS

ນ້ຳຕານຊາຍ ເຫຼືອງອ່ອນ ມາດຕະຖານອິນຊີ

ORGANIC EXTRA LIGHT CANE SUGAR



Ingredients: Organic Sugarcane

ຜະລິດ ທີ່ | Manufactured in:

ບໍລິສັດ ນ້ຳຕານອ້ອຍ ທີ່ຫີນຊີ ອັດຕະປື ຈຳກັດຜູ້ດຽວ

TTC ATTAPEU SUGAR CANE SOLE CO., LTD

ບ້ານ ນາເຊືອກ, ເມືອງ ພູວົງ, ແຂວງ ອັດຕະປື, ປະເທດລາວ

Nasuoc Village, Phouvong District, Attapeu Province, Laos.

www.ttcgroup.vn

Certified Organic by Control Union
CU856683

ບໍລິມາດສຸດທິ

1000
ກກ/kg

Net Weight

PRODUCT OF LAOS

SUGAR MUST BE STORED AS PER RECOMMENDED CONDITIONS.



490 mm

45 mm

Nếp g

180 mm

HỮU LÝ CẦN THẬN

TTC
AgriS

Giấy Kraft nâu

ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT - HỮU LÝ CẦN THẬN

ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT - HỮU LÝ CẦN THẬN

**ĐƯỜNG HỮU CƠ
EXTRA LIGHT**



Sản xuất tại

CÔNG TY TNHH MTV MIA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Bản Nason, Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào

www.ttcgroup.vn

Chúng tôi nhận giấy chứng nhận từ Control Union
(01855683)

25 kg

KHỐI LƯỢNG TỊNH

Sản phẩm của Lào

ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT TẠO NÊN SỰ MỊT MƯỚT CHO TẤT CẢ



F001-DH108027A



8 859552 700095

90 mm

45 mm



Dịch bởi: bà Phut Ma Lay Viêng Kẹo

Giám Đốc Công ty Dịch thuật Công chứng Kẹo Mạ Ny

**Chứng nhận bản dịch chính xác, phù hợp nội dung
từ tiếng Lào, tiếng anh được chụp đính kèm.**

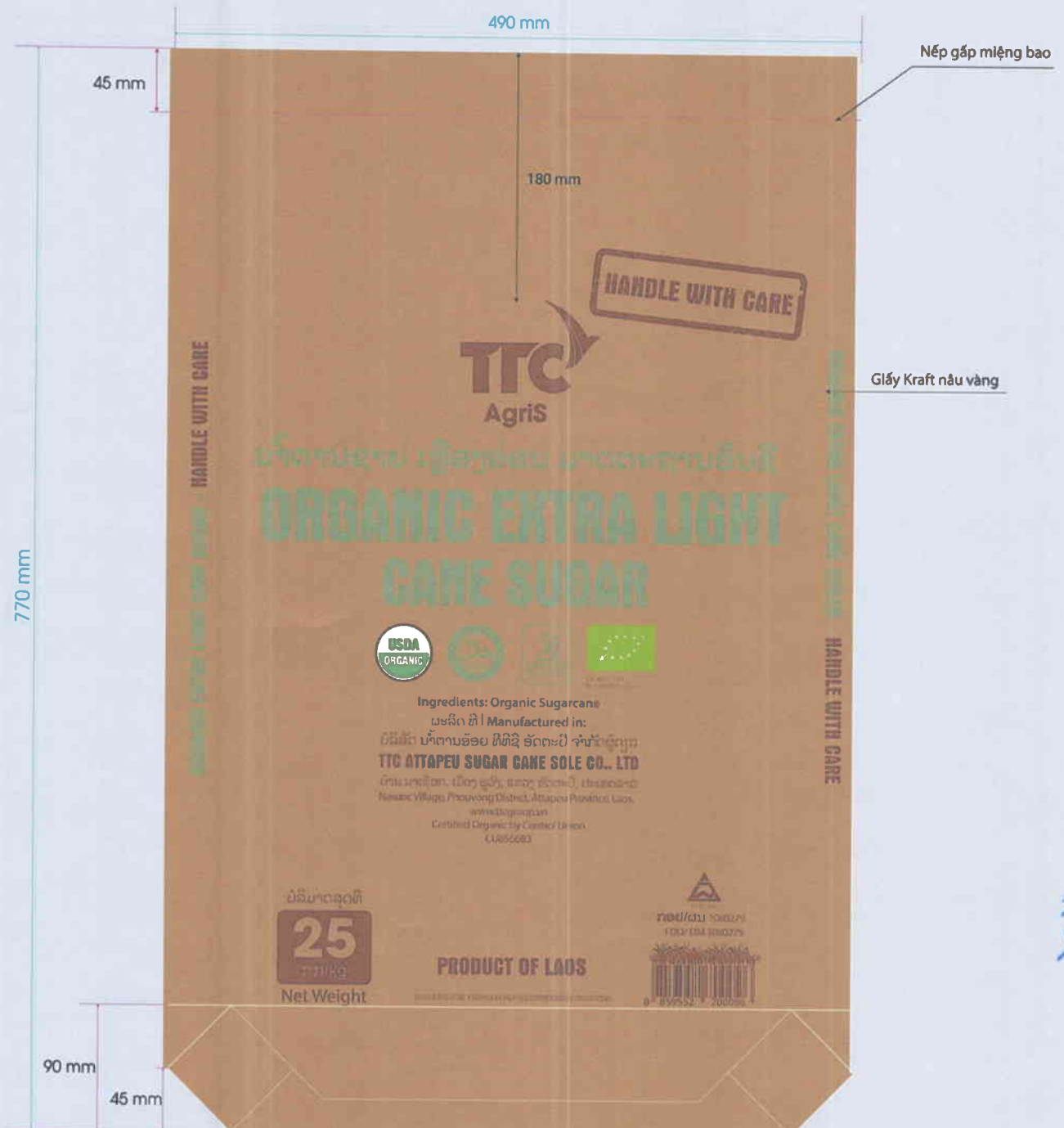
Attapeu, ngày 27/07/2023

GIÁM ĐỐC



ພ ພຸດມະໄລ ວົງແກ້ວ
Miss. Phutmalay VIENGKEO

ສາທາລະນະລາຍ
ບໍລິສັດ
ແປພາສາ ແກ້ວມະນີ
ຈຳນົດຜູ້ດຽວ
KEOMAMANY
TRANSLATE & NOTARY
CO., LTD
ອັດຕະປູ





90 mm

65 mm

Sản phẩm: **ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT (ORGANIC EXTRA LIGHT CANE SUGAR)**

Thành phần: Đường mía.

Khối lượng tịnh: 25 kg.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh sáng mặt trời.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Bản Na Sược, Huyện Phú Vĩnh, Tỉnh Attapeu, Lào.

90 mm

65 mm

Sản phẩm: **ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT (ORGANIC EXTRA LIGHT CANE SUGAR)**

Thành phần: Đường mía.

Khối lượng tịnh: 1000 kg.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Trưng bày hoặc bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm.

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh sáng mặt trời.

Nhập khẩu bởi:

CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Bản Na Sược, Huyện Phú Vĩnh, Tỉnh Attapeu, Lào.



CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

HÒA BÌNH- ĐỘC LẬP- DÂN CHỦ- THỐNG NHẤT- THỊNH VƯỢNG

Bộ Y Tế

Cục Thực phẩm và Dược phẩm

ĐT: 214013-4

Fax: 214015

Số 12178/21, Cục TPDP

Thủ đô Viêng Chăn, ngày 20/12/2021

Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm

Bộ Y tế, Cục Thực phẩm và Dược phẩm chứng nhận :

Loại hình kinh doanh: Đường Hữu Cơ Extra Light

Tên cơ sở thực phẩm: CÔNG TY TNHH MTV MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU

Chủ đầu tư: Mr VŨ THÀNH CHÂU

Địa chỉ: Bản NaXuoc, huyện Phuvong, tỉnh Attapeu, CHDCND Lào.

Được cấp phép hợp pháp với tư cách là nhà sản xuất Sản phẩm thực phẩm có đường và việc Sản xuất chịu sự giám sát của Cục Thực phẩm và Dược phẩm với tư cách là cơ quan có thẩm quyền về an toàn thực phẩm.

Cục chứng nhận công ty tuân thủ các yêu cầu của Luật và Quy định về Thực phẩm của CHDCND Lào.

Lưu ý: Giấy chứng nhận này phải được gia hạn trước 03 tháng kể từ ngày hết hạn.

Ban hành: 20 tháng 12 năm 2021

Hết hạn: 19 tháng 12 năm 2023

**Cục Trưởng
Cục Thực phẩm và Dược phẩm**

(Chứng chỉ này chỉ nhằm mục đích cung cấp cho các cơ quan y tế, bác sĩ được cấp phép và những người hành nghề được cấp phép khác, nhưng không được sử dụng cho mục đích quảng cáo công khai)

ນ ສຸດມະໄລ ວຽງແກ້ວ
Miss. Phutmalay VIENGKEO





Lao People's Democratic Republic
Peace Independence Democracy Unity Prosperity

Ministry of Health
Food and Drug Department
Tel: 214013-4
Fax: 214015

12178
No. / 21 FDD
Vientiane Capital, date 21 DEC 2011

Certificate of Food Hygiene and Safety

The Ministry of Health, Food and Drug Department
certified that:

Kind of business : Organic Extra Lige Cane Sugar .

Name of food premises: TTC ATTAPEU SUGAR CANE SOLE CO.,LTD

Owner: Mr VU THANH CHAU

Address: Naxuac Village, Phouvang District, Attapeu Province, Lao PDR.

Is legally licensed as the manufacturer of Sugar food Products and that its Productions are under the supervision of Food and Drug Department as a food safety authority.

It is also certified that this manufacturer complies with the requirements of the Food Law and Regulation of Lao PDR.

Remark: This Certificate should be renewed before 03 Months of expired date.

Issued: 21 DEC 2011

Expires: 19 DEC 2012

Director General
of Food and Drug Department



Boonma KEOMAVONG MS., PhD

(This certificate is intended to be presented only to health authorities, licensed physicians and other licensed practitioners, but not to be used for public advertisement purpose)

KT3-03934BTP3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT17/07/2023
Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT (ORGANIC EXTRA LIGHT CANE SUGAR)
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 07/07/2023
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 10/07/2023 - 17/07/2023
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPÉU
114 Trường Chinh, P. Phù Đồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page* 02 - 03/03

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB**Nguyễn Hữu Tín****TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03934BTP3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/07/2023
 Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ màu ICUMSA/ Color, IU	GS1/3-7 (2011) ICUMSA		-	599
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % Sucrose content (m/m)	GS 1/2/3/9- 1 (2011) ICUMSA		-	99,7
7.3. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	2,00 x 10 ⁻²
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện, g/100 g Conductivity ash content	GS1/3/4/7/8-13 (1994) ICUMSA		-	3,00 x 10 ⁻²
7.5. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA		-	1,01
7.6. Hàm lượng đường khử, g/100 g Reducing sugars content	GS 1/3/7-3 (2005) ICUMSA		-	8,20 x 10 ⁻²
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427:2010	1,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	1,50x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected

th

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03934BTP3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 17/07/2023
 Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.11. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g <i>Mesophilic bacteria</i>	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	-		4,1 x 10 ¹
7.12. Tổng số nấm men và nấm mốc, CFU/10 g <i>Total yeasts and moulds</i>	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/Notes: (*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.*



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



Report N°: 0000241897

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: July 13, 2023
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 13/07/2023

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2307A-0093
Đơn hàng: 2307A-0093

CLIENT'S NAME : **TTC ATTAPEU CANE SUGAR LIMITED COMPANY**
Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÍA ĐƯỜNG TTC ATTAPEU**

CLIENT'S ADDRESS : **114 TRUONG CHINH, PHU DONG WARD, PLEIKU CITY, GIA LAI PROVINCE**
Địa chỉ : **114 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG PHÙ ĐÔNG, TP PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : **Sugar (approx. 1.098kg) in plastic bag**
Mô tả mẫu : **Đường (khoảng 1.098kg) chứa trong túi nhựa**

Sample ID : **2307A-0093.005**
Mã số mẫu

Client's reference : **ĐƯỜNG HỮU CƠ EXTRA LIGHT (ORGANIC EXTRA LIGHT CANE SUGAR)**
Chú thích của khách hàng

Date sample(s) received : **July 03, 2023**
Ngày nhận mẫu : **03/07/2023**

Testing period : **July 03, 2023 - July 08, 2023**
Thời gian thử nghiệm : **03/07/2023 - 08/07/2023**

Test(s) requested : **As applicant's requirement**
Yêu cầu thử nghiệm : **Theo yêu cầu của khách hàng**

Test result(s) : **Please refer to the next page(s)**
Kết quả kiểm nghiệm : **Vui lòng tham khảo trang sau**

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000241897

Page N° 2/5

DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
1. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	J. AOAC Int. 100 (2017) 631-639	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
2. 2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D) <i>2,4-D (tổng 2,4-D, muối của nó, este và liên hợp của nó, được biểu thị bằng 2,4-D)</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
3. Trinexapac (sum of trinexapac (acid), its salts and its esters Trinexapac ethyl, expressed as trinexapac) <i>Trinexapac (tổng của trinexapac (axít), muối của nó và este Trinexapac ethyl, được biểu thị dưới dạng trinexapac)</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
4. Dicamba <i>Dicamba</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
5. Imazapic <i>Imazapic</i>	LFOD-TST-SOP-8425	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
6. Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone expressed as aldicarb) <i>Aldicarb (tổng của aldicarb và các aldicarb sulfoxide, aldicarb sulfone quy về aldicarb)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
 Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."



Report N°: 0000241897

Page N° 3/5

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Note <i>Ghi chú</i>
7. Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran expressed as carbofuran) <i>Carbofuran (tổng của carbofuran (bao gồm carbofuran tạo ra từ carbosulfan, benfuracarb hoặc furathiocarb) và 3-OH carbofuran quy về carbofuran)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
8. Isoxaflutole (sum of isoxaflutole and its diketonitrile-metabolite RPA 202248, expressed as isoxaflutole) <i>Isoxaflutole (tổng của isoxaflutole và chất chuyển hóa Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248 của nó, quy về isoxaflutole)</i>	EN 15662:2018 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
9. Cypermethrin (sum of isomers) <i>Cypermethrin (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
10. Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (sum) <i>Cyhalothrin-lambda + Cyhalothrin-gamma (tổng)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
11. Propiconazole (sum of isomers) <i>Propiconazole (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
12. Aldicarb <i>Aldicarb</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
13. Aldicarb sulfone <i>Aldicarb sulfone</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
14. Aldicarb sulfoxide <i>Aldicarb sulfoxide</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
15. Azinphos-methyl <i>Azinphos-methyl</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
 Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."



Report N°: 0000241897

Page N° 4/5

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Note Ghi chú
16. Carbofuran <i>Carbofuran</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
17. 3-Hydroxycarbofuran <i>3-Hydroxycarbofuran</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
18. Chlorantraniliprole <i>Chlorantraniliprole</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
19. Clothianidin <i>Clothianidin</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
20. Ethoprophos <i>Ethoprophos</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
21. Isoxaflutole <i>Isoxaflutole</i>	EN 15662:2018 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
22. Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248 <i>Isoxaflutole diketonitrile RPA 202248</i>	EN 15662:2018 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
23. Mesotrione <i>Mesotrione</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
24. Novaluron <i>Novaluron</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
25. Tebufenozide <i>Tebufenozide</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- The methods remarked with an asterisk (*) are not currently within the ISO 17025 accreditation scope.
Phương pháp được đánh dấu một sao () chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025.*
- The methods without remark of a superscript number were performed by SGS HCM Laboratory; the ones remarked with a superscript number (*) were performed by SGS Can Tho Laboratory; and others remarked with two asterisks (**) were done by subcontractor that was mentioned in the parentheses after the method respectively.
Phương pháp không được đánh dấu với chỉ số trên được thực hiện bởi PTN SGS HCM; phương pháp được đánh dấu với chỉ số trên () được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ; và phép thử được đánh dấu với hai sao (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn sau phương pháp tương ứng.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
 Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.
 Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."



Report N°: 0000241897

Page N° 5/5

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from sum of individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g or 0 MPN/mL for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g or 1 mL in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau các khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g hoặc 0 MPN/mL với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g hoặc 1 mL ở dãy ống có nồng độ có hàm lượng cao nhất), 0 MPN/0.1g với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g ở dãy ống có nồng độ hàm lượng cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ hàm lượng cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum item.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000239557 issued by SGS Vietnam Ltd.

Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000239557 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam



Phí Lê Kim Khôi

Trưởng Phòng Vi Sinh Và Sinh Học Phân Tử

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law."